

Bản án số: 06/2022/HS-ST

Ngày: 19 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Sô Tha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Diễn

2. Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Lâm Văn D, sinh ngày 19/10/1996. Tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn V (đã chết) và bà Thạch Thị H, sinh năm 1962; có 02 người anh, chị, em ruột lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ Dương Thị Ng, sinh năm 1999 (đã ly hôn), con một người sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: xấu; bị khởi tố ngày 07/9/2021 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn D là ông Diệp Minh Trường – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Trần Duy K, sinh năm 1996(có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Chị Kim Thị M, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh

2. Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người làm chứng:

1. Anh Thạch Sơn T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.
2. Anh Kim R (M), sinh năm 1994 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Ô, xã P, huyện TC, tỉnh Trà Vinh
3. Anh Thạch X, sinh năm 1996 (vắng mặt).
4. Anh Nhan Thành L, sinh năm 1992 (vắng mặt).
5. Anh Tài Thanh T, sinh năm 1993 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp X, xã N, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/7/2021, bị cáo Lâm Văn D cùng với Thạch Sơn T đi uống bia tại nhà người quen ở xã T, huyện TC. Sau khi nghỉ uống bia thì T điều khiển xe mô tô biển số 84B1-99742 chở bị cáo D về, trên đường về thì T kể cho D nghe việc Nguyễn Trần Duy K mượn điện thoại di động của T sau đó đem cầm, T yêu cầu K trả lại điện thoại nhưng K chưa trả vì vậy giữa T và K xảy ra mâu thuẫn nên T rủ bị cáo D đi chém K thì bị cáo D đồng ý.

Sau đó, T chở bị cáo D đến nhà bạn của T tên Kim R, nơi cư trú ấp Ô, xã P, huyện TC, tỉnh Trà Vinh để lấy 02 cây dao tự chế trước đó T đã cất giấu trong nhà R. Đến nhà R thì T đi vào nhà lấy 02 cây dao tự chế, đồng thời T rủ R cùng đi chém K. Khi đi, R điều khiển xe chở T và bị cáo D, T và bị cáo D mỗi người mang theo một cây dao tự chế. Khi đến nhà của K tại khóm 2, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, T và bị cáo D cùng đi vào nhà K, còn R thì chạy xe về, lúc này K phát hiện nên bỏ chạy ra phía sau nhà thì bị T và bị cáo D đuổi theo, K bị té ngã thì T giơ dao lên định chém K nhưng bị cáo D can ngăn nên T không chém K, bị cáo D kêu K đến ấp X, xã N để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn thì K đồng ý đi.

Khi Đến ấp X, xã N, K ngồi uống rượu cùng với Thạch X; Nhan Thành L, Tài Thanh T cùng cư trú ấp X xã N, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo D và T cũng cùng đến ấp X, xã N nhưng T thì đi vào nhà bị cáo D, bị cáo D thì đi đến chỗ K uống rượu và nói chuyện với K. Thấy thái độ nói chuyện của K phách lối, không muốn trả điện thoại cho T, bị cáo tức giận nên không nói chuyện với K nữa mà đi vào nhà kêu T ra nói chuyện với K. Lúc này, bị cáo có lấy 01 cây dao bấm chiều dài khoảng 20 cm, lưỡi dao dài khoảng 10 cm có một cạnh bén và một cạnh tày, mũi nhọn, lưỡi dao màu đen, cạnh bén màu trắng, cán dao bằng kim loại sơn màu đỏ-đen (theo mô tả của bị cáo) đang để trên đầu tủ, cất giấu vào trong túi áo và đi theo sau T. T đi ra và ngồi uống rượu nói chuyện với K, bị cáo ngồi trên xe mô tô gần đó cách K khoảng 2 mét. Trong lúc K ngồi nói chuyện với T, bị cáo ngồi chứng kiến và không hài lòng thái độ nói chuyện của K, bị cáo lấy dao từ trong túi áo, bấm bật lưỡi dao ra sẵn, cầm bằng tay phải, lưỡi dao áp sát ngón út đi đến bất ngờ dùng sức bật của cẳng tay phải, chém chiều hướng nằm ngang, từ phải sang

trái, do bị chém bất ngờ nên K giơ tay lên đỡ, hậu quả lưỡi dao của bị cáo trúng vào cẳng tay phải của K gây thương tích, thấy K bị thương nên bị cáo không chém nữa, K được đưa đi bệnh viện cấp cứu điều trị thương tích.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 101/21/TgT ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Trần Duy K là: 13% (Mười ba phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: Do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích là vật cứng có cạnh sắc, nhọn; Hướng từ phải sang trái.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D đồng ý và đã tác động gia đình bồi thường cho K được 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc 2.882.413 đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Ngày 7/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 (Một) cây dao tự chế có cán bằng nhựa màu trắng, mũi dao nhọn. Dao có tổng chiều dài 49cm, trong đó chiều dài cán dao 13cm, chiều dài lưỡi dao 36cm, lưỡi dao có 01 cạnh bén, nơi rộng nhất 05cm, nơi hẹp nhất 03cm; 01 (Một) cây dao tự chế có cán bằng gỗ sơn màu đen, mũi dao nhọn. Dao có tổng chiều dài 68cm, trong đó chiều dài cán dao 19cm, chiều dài lưỡi dao 49cm, lưỡi dao màu trắng có 01 cạnh bén, nơi rộng nhất 04cm, nơi hẹp nhất 3,5cm. Đối với 02 cây dao trên, quá trình xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Lâm Văn D và Thạch Sơn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã tịch thu và tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với cây dao bấm có chiều dài khoảng 20 cm, lưỡi dao dài khoảng 10 cm có một cạnh bén và một cạnh tày, mũi nhọn, lưỡi dao màu đen, cạnh bén màu trắng, cán dao bằng kim loại sơn màu đỏ-đen (theo mô tả của bị cáo D) là hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại K thì sau khi chém K xong bị cáo đã làm rơi mất nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKS-HS ngày 20/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố bị cáo Lâm Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lâm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi “Cố ý gây thương tích” và thừa nhận những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai nhận cũng như toàn bộ nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú mô tả về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là hoàn toàn đúng, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú: Sau khi phân tích các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự đối với bị cáo Lâm Văn D. Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố bị cáo Lâm Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lâm Văn D từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn D phát biểu: Thống nhất Cáo trạng của Viện kiểm sát, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với các lý do: Bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đã tác động đến gia đình thỏa thuận bồi thường cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc khmer, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên việc am hiểu pháp luật bị hạn chế. Nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; về trách nhiệm dân sự bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc 2.882.413 đồng bị cáo chấp nhận nên đề nghị ghi nhận; về án phí: đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát về phân trách nhiệm dân sự; về trách nhiệm hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo đã biết lỗi, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 11/7/2021, bị cáo Lâm Văn D và Nguyễn Trần D khoa không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng bị cáo D có hành vi gây thương tích cho bị hại K với tính chất côn đồ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém trúng vào cẳng tay phải của anh Nguyễn Trần Duy K, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Như vậy, hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”

nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 là đúng người, đúng tội, đúng với quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và đã sử dụng hung khí nguy hiểm là cây dao bấm có mũi nhọn gây thương tích ở vào cẳng tay phải làm cho K bị thương với tỷ lệ cơ thể tổn thương là 13% là phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm” và “ Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vụ án chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà không có đồng phạm; động cơ, mục đích bị cáo gây thương tích cho bị hại chỉ vì muốn thỏa mãn thái độ xác xược, ngang tàng, tính côn đồ, coi thường người khác, coi thường pháp luật.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án kết án về tội “Gây rối trật tự công cộng” và ngày 05/01/2019 Công an huyện Trà Cú xử phạt theo Quyết định số 07/QĐXPHC số tiền 750.000 đồng về hành vi “cố ý gây thương tích” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động đến gia đình thỏa thuận bồi thường một phần chi phí cho người bị hại, nhằm khắc phục những thiệt hại do hành vi của bị cáo đã gây ra. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo thuộc diện cận nghèo, là người dân tộc khmer, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên việc am hiểu pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với Thạch Sơn T là người rủ bị cáo D và Kim R đi chém Nguyễn Trần Duy K, khi đến nhà K, R chạy xe về, T cùng bị cáo D rượt đuổi khiến K té ngã, Tiến định chém K nhưng được bị cáo D can ngăn nên T dừng lại không gây thương tích cho K. Sau khi K đến ấp X, xã N để nói chuyện với T thì bất ngờ bị cáo D dùng dao chém K. Giữa T và bị cáo D không có sự bàn bạc trước, bị cáo D cất cây dao trong người T hoàn toàn không biết, Tiến không xúi giục cũng không giúp sức cho bị cáo Duy gây thương tích cho K do đó, T không phạm tội cùng với bị cáo D. Tuy nhiên, trước khi bị cáo D chém K, T cùng với bị cáo D có hành vi mang theo dao tự chế đến nhà K tại khóm 2, thị trấn TC nhằm mục đích chém gây thương thương tích cho K nhưng cả hai tự ý dừng lại không chém K. Hành vi của T và D đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính Phủ nên ngày 29/10/2021, Công an huyện Trà Cú đã xử

phạt vì phạm hành chính đối với Thạch Sơn T và Lâm Văn D mỗi người 2.500.000 đồng và tịch thu để tiêu hủy 02 cây dao tự chế theo quy định của pháp luật.

Đối với Kim R (M) có hành vi điều khiển xe chở T và bị cáo D đến nhà K ở khóm 2, thị trấn TC nhằm mục đích để T và D chém K. Tuy nhiên, khi đến nhà K thì R không vào nhà K mà điều khiển xe chạy về nhà, bỏ mặc T và bị cáo D vào chém K nhưng do hậu quả chưa xảy ra nên không xử lý đối với R.

[5] Những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội của Kiểm sát viên; bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều phù hợp. Về mức hình phạt và phần bồi thường dân sự mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và bị cáo có nhân thân tốt và nuôi con nhỏ là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Lâm Văn D đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Trần Duy K tiền thuốc 2.882.413 đồng. Việc thỏa thuận giữa bị cáo với anh K là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với anh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết L không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền ngày công lao động nên không xem xét.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), do chị Kim Thị M là chị của bị cáo D đã tự nguyện đưa tiền để bồi thường cho người bị hại. Chị M không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng trong vụ án: 01 cây dao tự chế có cán bằng nhựa màu trắng, mũi dao nhọn và 01 cây dao tự chế có cán bằng gỗ sơn màu đen, mũi dao nhọn. Đối với 02 cây dao trên, quá trình xử phạt vì phạm hành chính đối với bị cáo Lâm Văn D và Thạch Sơn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã chuyển cho Công an huyện Trà Cú tịch thu và tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với cây dao bấm có chiều dài khoảng 20 cm, lưỡi dao dài khoảng 10 cm có một cạnh bén và một cạnh tày, mũi nhọn, lưỡi dao màu đen, cạnh bén màu trắng, cán dao bằng kim loại sơn màu đỏ-đen (theo mô tả của bị cáo D) là hung khí mà bị cáo D dùng để gây thương tích cho bị hại K thì sau khi chém K xong đã làm rơi mất nên không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý vật chứng.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo thuộc diện được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự cho bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày 19 tháng 01 năm 2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Công nhận về việc bị cáo Lâm Văn D đồng ý bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Trần Duy K số tiền 2.882.413 (*Hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm mười ba*) đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý vật chứng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lâm Văn D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- CQTHAHS CA huyện Trà Cú;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Sơn Thị Sô Tha